

**Phụ lục 6**

**ĐIỂM ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC ĐỐI VỚI CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ**

*(Kèm theo Báo cáo số: 212 /BC-SNV, ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Sở Nội vụ)*

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị							
			Đồng Hới	Lệ Thủy	Quảng Ninh	Bố Trạch	Ba Đồn	Quảng Trạch	Tuyên Hóa	Minh Hóa
<b>1.4</b>	<b>Công tác tuyên truyền CCHC</b>	<b>1</b>	<b>0,83</b>	<b>0,78</b>	<b>0,83</b>	<b>0,72</b>	<b>0,63</b>	<b>0,83</b>	<b>0,85</b>	<b>0,86</b>
1.4.3	Tác động của tuyên truyền đối với việc nâng cao nhận thức của CBCCVC, người dân, tổ chức về CCHC	1	0,83	0,78	0,83	0,72	0,63	0,83	0,85	0,86
<b>1.6</b>	<b>Kết quả chỉ đạo, điều hành CCHC của UBND cấp huyện</b>	<b>4</b>	<b>3,63</b>	<b>3,54</b>	<b>3,9</b>	<b>3,44</b>	<b>3,35</b>	<b>3,77</b>	<b>3,86</b>	<b>3,37</b>
1.6.1	Chất lượng các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC	1	0,93	0,92	0,99	0,85	0,88	0,96	0,98	0,89
1.6.2	Tính kịp thời của các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC	1	0,93	0,94	0,98	0,89	0,87	0,96	0,98	0,82
1.6.3	Bố trí nguồn lực (nhân lực, tài chính....) cho công tác CCHC	1	0,85	0,79	0,94	0,84	0,74	0,88	0,92	0,81
1.6.4	Công tác chỉ đạo, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ CCHC	1	0,92	0,89	0,99	0,86	0,86	0,97	0,98	0,85
<b>2.1</b>	<b>Xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật của UBND cấp huyện</b>	<b>3</b>	<b>2,78</b>	<b>2,72</b>	<b>2,91</b>	<b>2,67</b>	<b>2,81</b>	<b>2,89</b>	<b>2,87</b>	<b>2,64</b>
2.1.3	Mức độ phù hợp với tình hình thực tế của VBQPPL do UBND cấp huyện ban hành	1	0,98	0,98	1	0,95	1	1	0,98	1
2.1.4	Tính khả thi của VBQPPL do UBND cấp huyện ban hành	1	0,9	0,89	0,96	0,84	0,93	0,95	0,94	0,81
2.1.5	Tính hiệu quả, ổn định của VBQPPL do UBND cấp huyện ban hành	1	0,9	0,85	0,95	0,88	0,88	0,94	0,95	0,83
<b>4.2</b>	<b>Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của UBND cấp huyện và các đơn vị trực thuộc theo quy định</b>	<b>2</b>	<b>1,91</b>	<b>1,84</b>	<b>1,93</b>	<b>1,74</b>	<b>1,75</b>	<b>1,96</b>	<b>1,92</b>	<b>1,78</b>
4.2.1	Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của UBND cấp huyện	1	0,96	0,94	0,97	0,9	0,87	0,99	0,97	0,9
4.2.2	Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện	1	0,95	0,9	0,96	0,84	0,88	0,97	0,95	0,88
<b>4.5</b>	<b>Kết quả thực hiện quy chế làm việc của UBND cấp huyện</b>	<b>1</b>	<b>0,94</b>	<b>0,9</b>	<b>0,99</b>	<b>0,87</b>	<b>0,82</b>	<b>0,97</b>	<b>0,96</b>	<b>0,83</b>
<b>5.5</b>	<b>Chất lượng cán bộ, công chức, viên chức</b>	<b>4</b>	<b>3,75</b>	<b>3,51</b>	<b>3,93</b>	<b>3,08</b>	<b>3,59</b>	<b>3,84</b>	<b>3,9</b>	<b>3,53</b>
5.5.1	Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của CBCCVC	1	0,9	0,82	0,95	0,82	0,85	0,93	0,94	0,82
5.5.2	Tinh thần trách nhiệm đối với công việc của CBCCVC	1	0,93	0,86	0,98	0,84	0,89	0,95	0,96	0,84

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Đơn vị							
			Đồng Hới	Lệ Thủy	Quảng Ninh	Bố Trạch	Ba Đồn	Quảng Trạch	Tuyên Hóa	Minh Hóa
5.5.3	Thái độ phục vụ của CBCCVV	1	0,94	0,83	1	0,8	0,89	0,96	1	0,87
5.5.4	Tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân của CBCCVV	1	0,98	1	1	0,62	0,96	1	1	1
<b>6.1</b>	<b>Thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại UBND cấp huyện (theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP)</b>	<b>1</b>	<b>0,87</b>	<b>0,82</b>	<b>0,92</b>	<b>0,76</b>	<b>0,81</b>	<b>0,87</b>	<b>0,86</b>	<b>0,78</b>
6.1.2	Tác động của việc thực hiện cơ chế tài chính tại UBND cấp huyện	1	0,87	0,82	0,92	0,76	0,81	0,87	0,86	0,78
<b>6.2</b>	<b>Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện</b>	<b>1</b>	<b>0,87</b>	<b>0,83</b>	<b>0,89</b>	<b>0,76</b>	<b>0,83</b>	<b>0,89</b>	<b>0,86</b>	<b>0,79</b>
6.2.2	Tác động của việc thực hiện cơ chế tại các đơn vị sự nghiệp công lập	1	0,87	0,83	0,89	0,76	0,83	0,89	0,86	0,79
<b>7.1</b>	<b>Ứng dụng công nghệ thông tin của cấp huyện</b>	<b>1</b>	<b>0,9</b>	<b>0,88</b>	<b>0,97</b>	<b>0,75</b>	<b>0,72</b>	<b>0,87</b>	<b>0,85</b>	<b>0,79</b>
7.1.3	Mức độ sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc của CBCCVV	1	0,9	0,88	0,97	0,75	0,72	0,87	0,85	0,79
<b>7.2</b>	<b>Chất lượng cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện</b>	<b>3</b>	<b>2,69</b>	<b>2,74</b>	<b>2,76</b>	<b>2,33</b>	<b>2,39</b>	<b>2,68</b>	<b>2,79</b>	<b>2,16</b>
7.2.1	Tính kịp thời của thông tin	1	0,93	0,91	0,94	0,77	0,81	0,91	0,84	0,72
7.2.2	Mức độ đầy đủ của thông tin về các lĩnh vực quản lý nhà nước của cấp huyện	1	0,87	0,9	0,9	0,75	0,77	0,86	0,96	0,71
7.2.3	Mức độ thuận tiện trong truy cập, khai thác thông tin	1	0,89	0,93	0,92	0,81	0,81	0,91	0,99	0,73
<b>8.4</b>	<b>Chất lượng phục vụ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả</b>	<b>4</b>	<b>3,85</b>	<b>3,87</b>	<b>3,99</b>	<b>3,47</b>	<b>3,69</b>	<b>2,94</b>	<b>3,99</b>	<b>3,67</b>
8.4.1	Bố trí chỗ ngồi chờ, nơi đón tiếp tổ chức, cá nhân đến giao dịch	1	0,98	1	1	0,94	1	0,5	1	0,98
8.4.2	Thái độ phục vụ của công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1	0,95	0,93	1	0,81	0,88	0,5	0,99	0,84
8.4.3	Thời gian giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1	0,96	1	1	0,92	0,96	0,98	1	1
8.4.4	Chất lượng giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1	0,96	0,94	0,99	0,8	0,85	0,96	1	0,85
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>25</b>	<b>23,02</b>	<b>22,43</b>	<b>24,02</b>	<b>20,59</b>	<b>21,39</b>	<b>22,51</b>	<b>23,71</b>	<b>21,2</b>